

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia
đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn thuyết

2. Bà Đặng Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Ông Lương Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị M Thị K, sinh năm 1997;

ĐKKH: Xóm Bắc Bé, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh N Văn D, sinh năm 1996;

ĐKKH: Xóm Bắc Bé, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện anh D đang cải tạo tại: Trại giam Phú Sơn 4, Cục C10 Bộ Công an.

(Chị K và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị M Thị K trình bày:**

Chị kết hôn với anh N Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 16/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, vợ chồng mâu thuẫn. Chị K đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trước khi anh D đi cải tạo tại Trại giam. Trong thời gian ly thân cuộc sống vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên kiên quyết xin được ly hôn với anh N Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phương Minh Hiếu, sinh ngày 14/4/2016. Khi ly chị K có nguyện được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

** Bị đơn anh N Văn D trong quá trình tố tụng trình bày:*

Anh kết hôn với chị K năm 2016, có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không tu chí làm ăn, dẫn đến việc phạm tội phải đi chấp hành án. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị K xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Vợ có 01 con chung là Phương Minh Hiếu, sinh ngày 14/4/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con. Tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D trình bày bản thân đang phải chấp hành án nên anh D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên họp, phiên tòa. Anh D hoàn toàn nhất trí với các tài liệu, chứng cứ mà chị K đã nộp cho Tòa án, không có bất cứ yêu cầu gì, không có khiếu nại gì.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M Thị K. Cho chị K ly hôn anh D.

+ Giao con chung Phương Minh Hiếu, sinh ngày 14/4/2016, cho chị K trực tiếp chăm sóc giáo dục. Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị M Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Tuyên về quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị M Thị K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn với anh N Văn D, cư trú tại xóm số 9, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, Theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh D và chị K đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

2.1: Về quan hệ hôn nhân:

Chị M Thị K và anh N Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 16/11/2016. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị K và anh D là hợp pháp, Nên được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị K xin ly hôn với anh D là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D chơi bời, vợ chồng mâu thuẫn. Chị K đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trước khi anh D đi cải tạo tại Trại giam.

Anh D cũng thừa nhận, sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc một thời gian đầu. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không tu chí làm ăn, dẫn đến việc phạm tội phải đi chấp hành án. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị K xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị K, cho chị K được ly hôn với anh D là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.1: Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phương Minh Hiếu, sinh ngày 14/4/2016. Anh D và chị K đều có nguyện vọng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh D đang chấp hành án, không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nên cần giao con cho chị K trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung mới đảm bảo điều kiện về kinh tế lẫn tinh thần đáp ứng cho yêu cầu phát triển bình thường của con chung.

2.2: Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị K không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

2.3: Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ pháp luật:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Tuyên xử:

2.1: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M Thị K đối với anh N Văn D. Chị M Thị K được ly hôn với anh N Văn D.

2.2: Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

- Giao con chung là Phương Minh Hiếu, sinh ngày 14/4/2016 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M Thị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004488 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Chị K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị M Thị K, anh N Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND h. Phú Lương;
- Chi cục THADS h. Phú Lương
(01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND xã Yên Ninh, huyện Phú Lương,
tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Lý

